

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Số: 2918/QĐ-XHNV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Xã hội học, mã số ngành: 9310301

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Xã hội học ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho nghiên cứu sinh từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng khoa Xã hội học và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
Số: 2914/QĐ-XHNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: XÃ HỘI HỌC
MÃ SỐ : 9310301

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2918/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Xã hội học

+ Tên tiếng Anh: Sociology

- Mã số ngành đào tạo: 9310301

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

- Thời gian đào tạo: 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 04 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học.

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tên tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Xã hội học

+ Tên tiếng Anh: Doctor of Philosophy in Sociology

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Tiến sĩ Xã hội học nhằm truyền đạt các kiến thức chuyên sâu về lý thuyết và phương pháp nghiên cứu xã hội học, và các lĩnh vực chuyên ngành xã hội học khác nhau để người học có năng lực sáng tạo, phát triển tri thức mới, khám phá các quy luật xã hội, có khả năng tự đào tạo, phát triển năng lực nghiên cứu độc lập và tham gia hoạt động đào tạo, tư vấn, phản biện chính sách, phổ biến tri thức chuyên môn

cho cộng đồng. Người tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ xã hội học có triển vọng trở thành các chuyên gia, nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực hoạt động về xã hội học.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo tiến sĩ xã hội học nhằm đào tạo người học:

- Có kiến thức lý luận chuyên sâu về xã hội học, có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp, phát triển bản thân và học tập suốt đời.

- Có tư duy phản biện và sử dụng được các lý thuyết xã hội học để phân tích các vấn đề xã hội, sáng tạo các khái niệm, lý thuyết mới, có năng lực thiết kế và thực hiện nghiên cứu để đóng góp cho sự phát triển, nâng cao nhận thức về các vấn đề, hiện tượng xã hội.

- Có khả năng công bố và chia sẻ kiến thức xã hội học với công chúng học thuật và cộng đồng xã hội, có khả năng tự chủ và trách nhiệm cao với hoạt động nghề nghiệp và có khả năng tự đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển thông qua đánh giá hồ sơ chuyên môn theo quy định của ĐHQGHN.

3.2. Đối tượng dự tuyển

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng

Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành Xã hội học. Trường hợp thí sinh cần học bổ sung kiến thức cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển và có 1 năm kinh nghiệm. Cụ thể, đối tượng tuyển sinh cần đáp ứng một trong những điều kiện sau đây về văn bằng:

- Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành/chuyên ngành phù hợp 1;

- Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác nếu có;

Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

3.2.2. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu. Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kỷ yếu các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu trong danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ nghiên cứu làm người hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có);

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

3.2.3. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, một phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài.

+ Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đại học Quốc gia Hà Nội chấp nhận.

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiên sĩ Xã hội học bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo.

3.2.4. Yêu cầu khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và môn học bổ sung kiến thức

3.3.1 Danh mục ngành phù hợp

- Ngành phù hợp 1: gồm các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Xã hội học và Nhân học.

- Ngành phù hợp 2:

+ Ngành trong nhóm ngành: Quản trị - Quản lý, Công tác xã hội, Tâm lý học, Báo chí – Truyền thông, Khoa học Giáo dục, Quản trị - Quản lý.

+ Các ngành: Triết học, Văn hóa học, Tôn giáo học, Gia đình học, Luật, Đông phương học, Việt Nam học.

- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.3.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức với đối tượng ngành phù hợp 2

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Nhập môn xã hội học	3
2	Lý thuyết xã hội học	4
3	Phương pháp nghiên cứu xã hội học	4
4	Chính sách xã hội	3
Tổng số tín chỉ		14

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

- Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến 3-5 NCS/ 1 năm).
- Kế hoạch tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của đơn vị được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu về chất lượng luận án

Luận án tiến sĩ xã hội học thể hiện được việc phát hiện và giải quyết những vấn đề mới, đóng góp mới cho khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực xã hội học, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

Luận án tiến sĩ ngành Xã hội học phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Về cấu trúc: Cấu trúc của luận án tiến sĩ ngành Xã hội học phải đảm bảo tối thiểu có các phần sau:
 - + Mở đầu: giới thiệu tóm tắt về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;
 - + Tổng quan về vấn đề nghiên cứu;
 - + Cơ sở lý thuyết; giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và phân tích đánh giá;

- + Kết luận và khuyến nghị;
- + Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;
- + Danh mục các công trình/bài báo đã công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có);
- + Phụ lục (nếu có).

- Tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ: Kết quả nghiên cứu trong luận án phải là kết quả lao động của chính nghiên cứu sinh thu được chủ yếu trong thời gian đào tạo. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác thì phải được tác giả đồng ý và trích dẫn tường minh. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó nghiên cứu sinh có đóng góp phần chính thì phải xuất trình các văn bản thể hiện sự nhất trí của các thành viên trong tập thể đó đồng ý cho nghiên cứu sinh sử dụng kết quả chung của tập thể để viết luận án.

- Luận án trước khi bảo vệ phải được kiểm tra sao chép, trùng lặp.

- Luận án được viết bằng tiếng Việt, sử dụng chữ thuộc mã Unicode, loại chữ Times New Romans, cỡ chữ 13, và không quá 300 trang, không kể phụ lục, trong đó có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án, ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh.

2. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

Nghiên cứu sinh công bố kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ) có tổng điểm đạt từ 2,0 trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (là tác giả chính, không chia điểm khi có đồng tác giả). Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước phải thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus);

- Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản

có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;

- Có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISBN.

3. Chuẩn đầu ra về kiến thức

3.1. Kiến thức chung (đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ)

PLO 1: Nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ xã hội học sau khi hoàn thành các học phần bổ sung kiến thức sẽ phân tích được thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào nhận thức và nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn và hoạt động thực tiễn của người học.

3.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành (đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ)

PLO2: Vận dụng và phân tích được các lý thuyết xã hội học xã hội học hiện đại và hậu hiện đại để giải thích được các vấn đề xã hội hiện đại.

PLO3: Lý giải và phân tích được vấn đề xã hội ở nông thôn, đô thị, các vấn đề về dân số, môi trường, gia đình, giới, văn hóa, giáo dục, tôn giáo và các vấn đề xã hội khác từ cách tiếp cận xã hội học.

PLO4: Phân tích được về chính sách và hệ thống xã hội làm cơ sở cho việc đề xuất các khuyến nghị, giải pháp hữu ích cho cộng đồng.

PLO5: Vận dụng được những kiến thức về các yêu cầu đối với nghiên cứu xã hội học, kiến thức về phân tích dữ liệu để thực hiện được đề cương nghiên cứu và cung cấp thông tin về về vấn đề xã hội cụ thể.

PLO6: Phân tích, đánh giá, bình luận được các nghiên cứu có liên quan tới một vấn đề nghiên cứu cụ thể.

3.3. Kiến thức học phần tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

PLO7: Phân tích và đánh giá được các lý thuyết phát triển và đánh giá được về vấn đề xã hội, chính sách xã hội.

PLO8: Phân tích, đánh giá được các kiểu thiết kế nghiên cứu và lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp với đề tài luận án.

PLO 9: Phân tích, đánh giá được các nguồn tài liệu và cấu trúc của các dạng tài liệu học thuật để thực hiện các chuyên đề tiến sĩ, các bài báo khoa học và luận án tiến sĩ.

PLO10: So sánh, hệ thống hóa, bình luận được về các nghiên cứu về cùng một chủ đề/vấn đề.

PLO11: Xác định được các quan điểm lý thuyết xã hội học vào giải quyết các vấn đề xã hội cụ thể.

PLO12: Phát triển và đề xuất được các khuyến nghị trong lĩnh vực nghiên cứu của mình dựa trên các kiến thức và phương pháp xã hội học.

4. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO13: Kỹ năng làm chủ thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, phân tích dữ liệu để trình bày được kết quả nghiên cứu.

PLO14: Kỹ năng phê phán, phản biện xã hội, từ đó đề xuất khuyến nghị, giải pháp cho các vấn đề xã hội và hoạt động tổ chức thực hiện chính sách.

PLO15: Kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin, dữ liệu từ các loại nguồn tài liệu khác nhau để phát triển được tri thức xã hội học về vấn đề xã hội.

PLO16: Kỹ năng viết báo cáo kết quả nghiên cứu, thuyết trình, tham gia thảo luận để công bố được các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.

5. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO17: Có khả năng đưa ra các ý tưởng nghiên cứu mới, lựa chọn các chủ đề nghiên cứu, quyết định thiết kế nghiên cứu, tổ chức triển khai nghiên cứu, phân tích, đánh giá, tổng hợp dữ liệu nghiên cứu.

PLO18: Có khả năng tự chủ trong phát triển bản thân, và dẫn dắt được người khác đảm bảo các giá trị đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội để làm việc và đóng góp tích cực cho xã hội.

PLO 19: Chính trực và minh bạch trong quá trình nghiên cứu, công bố kết quả nghiên cứu, đặt tính độc lập, khách quan của nghiên cứu lên hàng đầu, tôn trọng sự đa dạng văn hóa, đối xử công bằng và tôn trọng những người tham gia nghiên cứu, nhận

thực được trách nhiệm của mình đối với xã hội và đóng góp vào việc giải quyết các vấn đề xã hội.

6. Vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

Tiến sĩ xã hội học có thể đảm nhận các vị trí việc làm như sau:

- Chuyên gia tư vấn xã hội cho các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, tổ chức xã hội;
- Chuyên gia quản lý các dự án phát triển xã hội;
- Nhà phát triển chương trình và dịch vụ xã hội;
- Chuyên gia tư vấn chính sách;
- Giảng viên, nhà nghiên cứu trong các trường đại học, các viện/trung tâm nghiên cứu, tổ chức phi chính phủ.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp tiến sĩ xã hội học, người học có được nền tảng vững chắc và chuyên sâu về các lý thuyết, phương pháp và kỹ năng trong lĩnh vực xã hội học và có năng lực học tập suốt đời, tham gia các khóa đào tạo sau tiến sĩ, tham gia các hội nghị, hội thảo để cập nhật các tri thức mới trong lĩnh vực xã hội học. Tiến sĩ xã hội học có khả năng hợp tác với các chuyên gia trong và ngoài nước để trao đổi kiến thức, kinh nghiệm cứu, có thể tự triển khai các nghiên cứu độc lập để nâng cao trình độ.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1 Đối với NCS có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	90 tín chỉ, trong đó:
- Các học phần tiến sĩ:	12 tín chỉ
+ Bắt buộc:	8 tín chỉ
+ Tự chọn:	4 tín chỉ/10 tín chỉ
- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH:	6 tín chỉ
+ Chuyên đề tiến sĩ:	4 tín chỉ
+ Tiểu luận tổng quan:	2 tín chỉ

+ Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)

- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo: (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)

- Luận án tiến sĩ: **72** tín chỉ

1.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **125** tín chỉ, trong đó:

- Học phần bổ sung: **35** tín chỉ

+ Bắt buộc: 23 tín chỉ

+ Tự chọn: 12 tín chỉ/47 tín chỉ

- Các học phần tiến sĩ: **12** tín chỉ

+ Bắt buộc: 08 tín chỉ

+ Tự chọn: 04/10 tín chỉ

- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH: **06** tín chỉ

+ Chuyên đề tiến sĩ: 04 tín chỉ

+ Tiểu luận tổng quan: 02 tín chỉ

+ Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)

- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo: (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)

- Luận án tiến sĩ: **72** tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Các học phần tiến sĩ		12				
I.1	Các học phần bắt buộc		8				
1	SOC8059	Lý thuyết phát triển <i>Theory of Development</i>	2	25	10	65	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
2	SOC8057	Thiết kế nghiên cứu định tính, định lượng, phối hợp định tính và định lượng <i>Qualitative, Quantitative and Mixed-method research design</i>	2	25	10	65	
3	SOC8030	Phân tích chính sách xã hội <i>Social Policy Analysis</i>	2	25	10	65	
4	SOC8058	Viết luận án tiến sĩ <i>Writing Doctoral Thesis</i>	2	25	10	65	
I.2	Các học phần tự chọn		4/10				
5	SOC8004	Chất lượng dân số <i>Quality of Population</i>	2	25	10	65	
6	SOC8008	Văn hóa và giáo dục trong biến đổi xã hội <i>Culture and Education in Social Change</i>	2	25	10	65	
7	SOC8009	Nông thôn và đô thị Việt Nam trong quá trình chuyển đổi <i>Rural and Urban Transition in Vietnam</i>	2	25	10	65	
8	SOC8011	Vốn xã hội và phát triển <i>Social Capital and Development</i>	2	25	10	65	
9	SOC8017	Môi trường và phát triển <i>Environment and Development</i>	2	25	10	65	
II	Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH		6				
II.1	Chuyên đề tiến sĩ		4				
10	SOC8054	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	0	0	100	SOC8057 SOC8058
11	SOC8055	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	0	0	100	SOC8057 SOC8058
II.2	Tiểu luận tổng quan		2				
12	SOC8061	Tổng quan tình hình nghiên cứu <i>Overview of Literature</i>	2	0	0	100	SOC8058
II.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn						
III	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.						
IV	Luận án		72				

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
15	SOC9003	Luận án <i>PhD Thesis</i>	72	0	0	3600	
Tổng cộng			90				

2.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Học phần bổ sung		35				
I.1	Các học phần bắt buộc		23				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	10	135	
2	SOC6047	Phương pháp nghiên cứu xã hội <i>Social Research Methods</i>	2	25	10	65	
3	SOC6329	Lý thuyết Xã hội học hiện đại và hậu hiện đại <i>Modern and Postmodern Sociological Theory</i>	2	25	10	65	
4	SOC6123	Chính sách xã hội và những vấn đề xã hội <i>Social Policy and Social Problems</i>	3	40	10	100	
5	SOC6021	Dân số và phát triển <i>Population and Development</i>	2	25	10	65	
6	SOC6051	Biến đổi gia đình trong quá trình phát triển <i>Family Change in the process of development</i>	2	25	10	65	
7	SOC6053	Giáo dục và Xã hội <i>Education and Society</i>	2	25	10	65	
8	SOC6157	Công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn <i>Industrialization and modernization of agriculture and rural areas</i>	2	25	10	65	
9	SOC6258	Đô thị hóa và quản lý đô thị <i>Unbanization and Urban Management</i>	2	25	10	65	
10	SOC6162	Văn hóa và phát triển <i>Culture and Development</i>	2	25	10	65	
I.2	Các học phần tự chọn		12/47				
11	SOC6113	Quan hệ xã hội trong quản lý <i>Social Relation in Management</i>	3	40	10	100	
12	SOC6114	Lối sống của các nhóm dân cư <i>Lifestyle of Communities</i>	3	40	10	100	
13	SOC6115	Giới và Phát triển <i>Gender and Development</i>	3	40	10	100	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
14	SOC6116	Tổ chức và phát triển cộng đồng <i>Community Organization and Development</i>	3	40	10	100	
15	SOC6117	Truyền thông đại chúng và phát triển xã hội <i>Mass Media and Social Development</i>	3	40	10	100	
16	SOC6118	Thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng <i>Community-based Adaptation to Climate Change</i>	3	40	10	100	
17	SOC6119	Các chiều cạnh xã hội trong chính sách môi trường đảm bảo phát triển bền vững <i>Social Dimensions of Environmental Policy towards Sustainable Development</i>	3	40	10	100	
18	SOC6120	Tôn giáo và Xã hội <i>Religion and Society</i>	3	40	10	100	
19	SOC6121	Lệch chuẩn và tội phạm: một số vấn đề lý luận và thực tiễn <i>Deviation and Crimes: Some questions in theories and in practice</i>	3	40	10	100	
20	SOC6122	Dư luận xã hội ở Việt Nam trong thời kỳ Đổi Mới <i>Public Opinion in Vietnam in the "Doi moi" period</i>	3	40	10	100	
21	SOC6330	Chiều cạnh kinh tế trong các vấn đề xã hội <i>Economy Aspects in Social Problems</i>	3	40	10	100	
22	SSH6001	Các tiếp cận và phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội và nhân văn <i>The Approaches and Research methods of Social Sciences and Humanities</i>	4	30	15	155	
23	SSH6002	Các trường phái trong khoa học xã hội và nhân văn <i>The Schools in Social Sciences and Humanities</i>	4	30	15	155	
24	SOC6332	Phân tích dữ liệu <i>Data Analysis</i>	3	40	10	100	
25	SOC6333	Tổng quan tài liệu về vấn đề nghiên cứu <i>Overview of Literature</i>	3	40	10	100	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>Guidelines</i>					
II	Các học phần tiên sĩ		12				
II.1	Các học phần bắt buộc		8				
26	SOC8059	Lý thuyết phát triển <i>Theory of Development</i>	2	25	10	65	
27	SOC8057	Thiết kế nghiên cứu định tính, định lượng, phối hợp định tính và định lượng <i>Qualitative, Quantitative and Mixed-method Research Design</i>	2	25	10	65	
28	SOC8030	Phân tích chính sách xã hội <i>Social Policy Analysis</i>	2	25	10	65	
29	SOC8058	Viết luận án tiên sĩ <i>Writing Doctoral Thesis</i>	2	25	10	65	
II.2	Các học phần tự chọn		4/12				
30	SOC8004	Chất lượng dân số <i>Quality of Population</i>	2	25	10	65	
31	SOC8008	Văn hóa và giáo dục trong biến đổi xã hội <i>Culture and Education in Social Change</i>	2	25	10	65	
32	SOC8009	Nông thôn và đô thị Việt Nam trong quá trình chuyển đổi <i>Rural and Urban Transition in Vietnam</i>	2	25	10	65	
33	SOC8011	Vốn xã hội và phát triển <i>Social Capital and Development</i>	2	25	10	65	
34	SOC8017	Môi trường và phát triển <i>Environment and Development</i>	2	25	10	65	
III	Chuyên đề tiên sĩ, tiểu luận tổng quan, và NCKH		6				
III.1	Chuyên đề tiên sĩ		4				
35	SOC8054	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	0	0	100	SOC8057 SOC8058
36	SOC8055	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	0	0	100	SOC8057 SOC8058
III.2	Tiểu luận tổng quan		2				
37	SOC8061	Tổng quan tình hình nghiên cứu <i>Overview of Literature</i>	2	0	0	100	SOC8058
III.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn						
IV	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo						
39	Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ						

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.					
V	Luận án		72				
40	SOC9003	Luận án <i>PhD Thesis</i>	72	0	0	3600	
Tổng cộng			125				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1) Lý thuyết

(2) Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3) Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá